BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI MÔN: QUẢN TRỊ HỌC - K10

STT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Phòng Thi
1	901010423	Đỗ Linh	Chi	31/10/2003	NH9A	000001	142	6.00	01
2	901010351	Ngô Thị Thu	Hiền	30/01/2003	NH9A	000002	273	3.60	01
3	1001030595	Phạm Bảo	Lâm	04/10/2004	QT10B	000003			01
4	1001011456	Hoàng Mỹ	Anh	09/11/2004	TC10A	000004	369	4.40	01
5	1001011457	Nguyễn Phương	Anh	25/12/2004	TC10A	000005	457	4.80	01
6	1001010753	Nguyễn Tuấn	Anh	30/10/2004	TC10A	000006	457	5.60	01
7	1001010755	Quách Duy	Anh	25/10/2004	TC10A	000007	596	4.60	01
8	1001011387	Nguyễn Thị	Chuyên	09/03/2004	TC10A	000008	604	5.20	01
9	1001010762	Nguyễn Tiến	Đạt	26/05/2004	TC10A	000009	718	5.40	01
10	1001010763	Lê Ngọc	Diệp	10/06/2004	TC10A	000010	825	4.00	01
11	1001010765	Nguyễn Hoàng	Đức	20/10/2004	TC10A	000011	142	5.00	01
12	1001010767	Nguyễn Mỹ	Dung	11/11/2004	TC10A	000012	273	4.80	01
13	1001010774	Trần Thùy	Dương	17/02/2004	TC10A	000013			01
14	1001010437	Vũ Hồng	Hạnh	29/05/2004	TC10A	000014	369	3.80	01
15	1001010783	Lương Trung	Hiếu	09/09/2004	TC10A	000015	596	4.40	01
16	1001010788	Nông Vũ	Hoàng	16/08/2004	TC10A	000016			01
17	1001011236	Bùi Thị	Hương	10/10/2003	TC10A	000017	604	5.60	01
18	1001010797	Lê Anh	Khánh	03/09/2004	TC10A	000018	718	5.80	01
19	1001010798	Phạm Duy	Khiêm	26/04/2004	TC10A	000019	825	5.80	01
20	1001010801	Nguyễn Tùng	Lâm	26/09/2004	TC10A	000020			01
21	1001010803	Cao Ngọc	Lan	19/08/2004	TC10A	000021	142	4.80	01
22	1001011363	Nguyễn Thảo	Linh	19/10/2003	TC10A	000022	273	4.20	01
23	1001011365	Hàn Ngọc	Long	13/12/2004	TC10A	000023	369	4.00	01
24	1001010818	Trịnh Phúc	Long	17/04/2004	TC10A	000024	457	5.00	01
25	1001011393	Trần Khánh	Ly	31/03/2003	TC10A	000025	596	7.40	01
26	1001011453	Đào Ngọc	Minh	18/07/2004	TC10A	000026	142	4.20	01
27	1001010828	Nguyễn Lương	Minh	02/08/2004	TC10A	000027	604	6.60	01
28	1001010834	Nguyễn Ngọc	Nghĩa	15/09/2004	TC10A	000028	718	6.40	01
29	1001010835	Phạm Hồng	Ngọc	20/04/2004	TC10A	000029	825	5.20	01
30	1001010229	Đỗ Thị Thảo	Nhi	23/01/2004	TC10A	000030	142	5.40	01
31	1001010844	Trần Hoàng	Phong	09/05/2004	TC10A	000031	273	5.80	01
32	1001010849	Đỗ Minh	Quân	02/02/2004	TC10A	000032			01
33	1001010852	Lê Phú	Quý	03/08/2003	TC10A	000033	369	4.40	01
34	1001010905	Phạm Trọng	Tài	16/12/2004	TC10A	000034	457	4.80	01
35	1001010858	Trần Hồng	Thái	09/03/2004	TC10A	000035			01
36	1001010862	Nguyễn Tiến	Thành	26/05/2004	TC10A	000036	596	5.40	01
37	1001010864	Hoàng Thị	Thảo	15/04/2003	TC10A	000037	604	7.20	01
38	1001010868	Lý Trí	Thiên	03/09/2004	TC10A	000038	718	5.00	01
39	1001010870	Vũ Minh	Thu	25/02/2004	TC10A	000039	825	5.00	01
40	1001010871	Đỗ Thu	Thuận	26/12/2002	TC10A	000040	142	5.60	01
41	1001010873	Nguyễn Thu	Thuỷ	15/12/2004	TC10A	000041	273	6.60	01
42	1001010878	Lê Quang	Toàn	17/03/2004	TC10A	000042	369	4.80	01
43	1001011383	Bùi Phương	Trang	23/12/2004	TC10A	000043	457	6.20	01
44	1001010881	Hà Thị Thu	Trang	08/02/2004	TC10A	000044	596	6.00	01
45	1001010889	Nguyễn Phương	Uyên	13/07/2004	TC10A	000045	718	5.00	01
46	1001010890	Lăng Quốc	Việt	29/10/2004	TC10A	000046	604	6.00	01
47	1001011337	Nguyễn Thị Tường	An	10/03/2004	TC10B	000047	825	8.00	02

STT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Phòng Thi
48	1001011340	Hoàng Quỳnh	Anh	19/01/2004	TC10B	000048	142	6.20	02
49	1001011441	Nguyễn Đào Vi	Anh	22/09/2001	TC10B	000049	273	4.40	02
50	1001010750	Nguyễn Ngọc	Anh	20/11/2004	TC10B	000050	369	4.40	02
51	1001010752	Nguyễn Trần Quỳnh	Anh	10/08/2004	TC10B	000051			02
52	1001010754	Phạm Mai Quỳnh	Anh	11/06/2004	TC10B	000052	457	3.80	02
53	1001010756	Vũ Hoàng	Anh	12/10/2004	TC10B	000053	596	5.60	02
54	1001010757	Hán Mạnh	Cường	17/05/2004	TC10B	000054	604	5.00	02
55	1001011687	Đặng Hà	Đông	01/12/2004	TC10B	000055	718	5.00	02
56	1001010772	Phạm Thùy	Dương	12/11/2004	TC10B	000056	825	5.20	02
57	1001010780	Nguyễn Minh	Hải	26/04/2004	TC10B	000057	142	6.00	02
58	1001011348	Lộc Tuyết	Hậu	27/08/2004	TC10B	000058	273	4.60	02
59	1001011739	Lê Xuân	Hòa	09/08/2004	TC10B	000059	369	5.20	02
60	1001010786	Nguyễn Văn	Hoàn	29/12/2004	TC10B	000060	142	8.20	02
61	1001011692	Đỗ Thị	Hường	02/12/2004	TC10B	000061	273	7.40	02
62	1001010794	Nguyễn Khánh	Huyền	04/11/2004	TC10B	000062	369	7.60	02
63	1001010795	Nguyễn Ngọc	Huyền	06/09/2004	TC10B	000063	457	7.00	02
64	1001010796	Phạm Thị Thanh	Huyền	25/06/2004	TC10B	000064	596	6.80	02
65	1001011734	Cao Đỗ	Khởi	28/10/2003	TC10B	000065	604	5.40	02
66	1001011359	Nguyễn Thị	Lam	14/11/2004	TC10B	000066	718	5.20	02
67	1001010802	Nguyễn Tùng	Lâm	12/03/2004	TC10B	000067	825	5.40	02
68	1001010811	Ngô Hoàng Thùy	Linh	05/08/2004	TC10B	000068	142	7.20	02
69	1001010816	Đinh Hoàng	Long	10/04/2004	TC10B	000069			02
70	1001010817	Mã Đức	Long	13/12/2004	TC10B	000070	273	5.00	02
71	1001010820	Nguyễn Khánh	Ly	18/06/2004	TC10B	000071	369	4.80	02
72	1001010821	Nguyễn Khoa	Lý	12/08/2004	TC10B	000072			02
73	1001010826	Lê Hoàng	Minh	21/09/2004	TC10B	000073	457	3.00	02
74	1001010831	Đặng Xuân	Nam	23/11/2004	TC10B	000074	596	4.60	02
75	1001010215	Trần Trọng	Nghĩa	05/10/2004	TC10B	000075	604	6.20	02
76	1001010840	Mã Thảo	Nhi	25/01/2004	TC10B	000076	718	5.20	02
77	1001010848	Trần Mai	Phương	29/12/2004	TC10B	000077	825	5.60	02
78	1001010850	Nguyễn Hoàng	Quân	27/08/2004	TC10B	000078	142	3.80	02
79	1001010855	Vũ Ngọc	Sơn	24/07/2004	TC10B	000079	273	5.00	02
80	1001010857	Hoàng Hà Băng	Tâm	10/08/2004	TC10B	000080	369	5.60	02
81	1001010867	Phạm Phương	Thảo	13/02/2004	TC10B	000081	457	6.80	02
82	1001011460	Đỗ Đức	Thịnh	05/01/2004	TC10B	000082	596	5.80	02
83	1001011455	Hoàng Hà Anh	Thư	26/02/2004	TC10B	000083	604	6.00	02
84	1001011467	Đàm Phương	Thùy	19/10/2004	TC10B	000084	718	5.20	02
85	1001010879	Hà Ngọc	Trà	02/05/2004	TC10B	000085	825	4.40	02
86	1001011454	Đặng Quỳnh	Trang	07/10/2002	TC10B	000086	142	5.80	02
87	901010764	Lê Thị Kiều	Trang	16/01/2003	TC10B	000087	273	5.60	02
88	1001010891	Hoàng Anh	Vũ	26/08/2004	TC10B	000088	596	2.60	02
89	1001010894	Nguyễn Thị	Xuân	09/05/2004	TC10B	000089	457	6.40	02
90	901010129	Ma Trịnh Hương	Trà	26/10/2003	TC9A	000090	142	4.80	02
91	1001011341	Lê Ngọc	Anh	20/04/2004	NH10A	000091			03
92	1001010759	Nguyễn Linh	Đan	07/08/2004	NH10A	000092	369	3.80	03
93	1001010761	Lã Chí	Đạt	22/11/2004	NH10A	000093	457	4.20	03
94	1001010081	Phạm Thị	Dịu	06/02/2004	NH10A	000094	596	4.80	03
95	1001011720	Đinh Xuân	Đức	07/10/2004	NH10A	000095	604	6.00	03
96	1001010764	Lý Huỳnh	Đức	04/05/2004	NH10A	000096			03
97	1001010766	Phan Huy	Đức	13/05/2004	NH10A	000097			03
98	1001011688	Phạm Thị Kim	Dung	26/05/2004	NH10A	000098	825	4.20	03
99	1001010770	Lương Anh	Dũng	22/11/2004	NH10A	000099	142	3.40	03

STT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Phòng Thi
100	1001010773	Tôn Ngọc	Dương	14/05/2004	NH10A	000100	273	5.00	03
101	1001011689	Bùi Đức	Duy	06/10/2004	NH10A	000101	369	4.60	03
102	1001010776	Trần Mỹ	Duyên	21/08/2004	NH10A	000102	457	5.60	03
103	1001010777	Trần Ngọc	Hà	10/04/2004	NH10A	000103	596	5.00	03
104	1001010781	Trần Huy	Hải	14/07/2004	NH10A	000104	604	3.40	03
105	1001010784	Trần Minh	Hiếu	06/12/2004	NH10A	000105	718	4.20	03
106	1001010785	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	12/08/2004	NH10A	000106	825	5.00	03
107	1001011351	Mai Trung	Hoàng	26/01/2004	NH10A	000107	142	3.40	03
108	1001010787	Nguyễn Xuân	Hoàng	28/10/2004	NH10A	000108	273	4.40	03
109	1001010791	Cầm Quế	Hương	22/07/2004	NH10A	000109	369	6.40	03
110	1001010793	Vũ Lan	Hương	20/11/2004	NH10A	000110	457	6.60	03
111	1001011388	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	12/07/2004	NH10A	000111	596	6.20	03
112	1001011693	Hoàng Văn	Khỏe	02/04/1996	NH10A	000112	604	4.60	03
113	1001010799	Phạm Duy	Kiên	14/12/2003	NH10A	000113	718	5.40	03
114	1001010800	Nguyễn Hoàng	Lâm	07/02/2004	NH10A	000114	825	5.20	03
115	1001010804	Lê Phương	Liên	21/09/2004	NH10A	000115	142	4.20	03
116	1001010809	Lê Thị Thùy	Linh	01/09/2004	NH10A	000116	273	4.00	03
117	1001010812	Nguyễn Diệp	Linh	25/07/2004	NH10A	000117	369	3.60	03
118	1001010813	Nguyễn Hà	Linh	24/08/2004	NH10A	000118	457	4.60	03
119	1001011450	Nguyễn Thị Mai	Linh	10/02/2004	NH10A	000119	596	4.40	03
120	1001020180	Trịnh Thị	Linh	08/08/2004	NH10A	000120	142	4.00	03
121	1001010815	Trịnh Văn	Lộc	13/10/2004	NH10A	000121	273	5.80	03
122	1001010819	Lê Phú	Lương	27/12/2004	NH10A	000122	369	4.60	03
123	1001010827	Nguyễn Đức	Minh	23/03/2004	NH10A	000123	457	4.80	03
124	1001010829	Nguyễn Trà	My	04/11/2004	NH10A	000124	596	4.60	03
125	1001010832	Hà Khánh	Nam	25/12/2003	NH10A	000125			03
126	1001010837	Trần Văn	Nhân	15/10/2004	NH10A	000126			03
127	1001010841	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	03/11/2003	NH10A	000127	604	6.80	03
128	1001010842	Ngô Thế	Phát	17/11/2004	NH10A	000128	718	4.20	03
129	1001011374	Nguyễn Thị Thanh	Phương	28/12/2004	NH10A	000129	825	6.60	03
130	1001010851	Nguyễn Ngọc	Quân	03/10/2004	NH10A	000130	142	2.80	03
131	1001011463	Ngô Thị Ngọc	Quỳnh	28/07/2004	NH10A	000131	273	5.40	03
132	1001010853	Trần Thị Như	Quỳnh	12/08/2004	NH10A	000132			03
133	1001011377	Đặng Thị Thanh	Thắm	02/09/2004	NH10A	000133	369	6.40	03
134	1001010859	Nguyễn Quang	Thắng	21/10/2003	NH10A	000134	457	5.40	03
135	1001010861	Lê Bá	Thanh	22/03/2004	NH10A	000135	596	6.00	03
136	1001010869	Hoàng Thị Minh	Thu	25/09/2004	NH10A	000136	604	7.00	03
137	1001011380	Đào Thị Phương	Thư	13/11/2004	NH10A	000137	718	4.40	03
138	1001010297	Lê Long	Thuỷ	15/10/2000	NH10A	000138	825	6.80	03
139	1001011381	Phan Thị Hồng	Thúy	26/02/2004	NH10A	000139	142	5.60	03
140	1001010876	Vũ Huy	Tiến	08/06/2004	NH10A	000140	273	3.20	03
141	1001010877	Đinh Đức	Toàn	14/07/2004	NH10A	000141	369	3.40	03
142	1001011458	Hoàng Bảo	Trân	01/12/2003	NH10A	000142	457	5.80	03
143	1001010880	Bùi Thị Thùy	Trang	13/05/2004	NH10A	000143	596	6.20	03
144	1001010882	Lưu Huỳnh Thùy	Trang	08/12/2004	NH10A	000144	604	6.00	03
145	1001010883	Lý Thùy	Trang	30/12/2004	NH10A	000145	718	2.60	03
146	1001010886	Vũ Thanh	Trúc	08/03/2004	NH10A	000146	825	4.80	03
147	1001010887	Nguyễn Quốc	Tuấn	09/03/2003	NH10A	000147	142	4.20	03
148	1001010888	Lương Ngọc	Tùng	16/12/2004	NH10A	000148	273	3.20	03
149	1001020021	Đỗ Phương	Anh	04/11/2004	KD10E	000149	142	5.80	04
150	1001020029	Lê Quỳnh	Anh	24/11/2003	KD10E	000150	273	5.40	04
151	1001020036	Nguyễn Hà	Anh	14/12/2004	KD10E	000151	369	5.60	04

STT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Phòng Thi
152	1001021102	Nguyễn Thị Thảo	Anh	09/10/2004	KD10E	000152	457	7.00	04
153	1001020051	Nguyễn Việt	Anh	14/04/2003	KD10E	000153	596	5.80	04
154	1001020057	Vũ Thảo	Anh	12/02/2004	KD10E	000154	604	7.00	04
155	1001020060	Nguyễn Thị	Ánh	23/11/2004	KD10E	000155	718	7.40	04
156	1001020069	Phạm Ngọc	Bích	11/08/2004	KD10E	000156	825	5.60	04
157	1001021433	Đinh Thành	Đạt	17/03/2004	KD10E	000157	142	4.20	04
158	1001020088	Tạ Thùy	Dung	02/03/2004	KD10E	000158	273	6.20	04
159	1001020095	Nguyễn Thùy	Dương	14/11/2004	KD10E	000159	369	6.20	04
160	1001020101	Nguyễn Trà	Giang	26/02/2004	KD10E	000160	457	5.40	04
161	1001020113	Dương Thanh	Hằng	04/02/2004	KD10E	000161	596	4.60	04
162	1001020116	Lê Thị	Hạnh	29/09/2004	KD10E	000162	604	4.40	04
163	1001020117	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	06/02/2004	KD10E	000163	718	6.40	04
164	1001020972	Trương Thị Hồng	Hoa	01/11/2004	KD10E	000164	825	7.00	04
165	1001020789	Trịnh Thị	Huế	11/11/2004	KD10E	000165	142	5.80	04
166	1001020139	Đường Thị	Hương	08/02/2004	KD10E	000166	273	7.40	04
167	1001020980	Nguyễn Thị Lan	Hương	30/12/2004	KD10E	000167	369	3.80	04
168	1001020151	Nguyễn Thu	Huyền	18/04/2004	KD10E	000168	457	4.20	04
169	1001020156	Vũ Thị	Lam	05/10/2004	KD10E	000169	596	5.60	04
170	1001020997	Trần Thị Hương	Lan	08/05/2004	KD10E	000170	604	5.60	04
171	1001020163	Đỗ Thị	Linh	31/03/2004	KD10E	000171	718	3.60	04
172	1001020601	Lưu Thùy	Linh	17/09/2004	KD10E	000172	825	7.00	04
173	1001021421	Nguyễn Thị Thùy	Linh	26/02/2004	KD10E	000173	142	7.40	04
174	1001021549	Nguyễn Thị Thùy	Linh	26/07/2004	KD10E	000174	273	7.00	04
175	1001021012	Hoàng Hương	Ly	02/12/2004	KD10E	000175	369	4.80	04
176	1001020189	Lê Ngọc	Mai	29/06/2004	KD10E	000176	457	6.80	04
177	1001021424	Trần Ngọc	Mai	29/02/2004	KD10E	000177	596	7.00	04
178	1001020200	Nguyễn Đức	Minh	28/02/2004	KD10E	000178	604	4.00	04
179	1001020042	Nguyễn Thị Lan	Anh	9/4/2004	KD10E	000595	718	6.40	04
180	1001020217	Lê Yến	Ngọc	17/12/2004	KD10E	000179	142	6.60	04
181	1001020223	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	05/12/2004	KD10E	000180	273	6.40	04
182	1001021034	Dương Hoàng	Nhi	14/12/2003	KD10E	000181	369	6.40	04
183	1001020234	Phùng Yến	Nhi	06/09/2004	KD10E	000182	457	5.60	04
184	1001021039	Phan Thị Hồng	Nhung	14/05/2004	KD10E	000183	596	6.60	04
185	1001021042	Dương Thanh	Phương	16/09/2004	KD10E	000184	604	6.00	04
186	1001021560	Nguyễn Thủy	Phương	07/08/2004	KD10E	000185	718	4.80	04
187	1001020253	Phạm Thị Thu	Phương	28/02/2004	KD10E	000186	825	6.80	04
188	1001021418	Nguyễn Hồng	Sơn	15/11/2004	KD10E	000187	142	6.20	04
189	1001020270	Đỗ Phương	Thanh	07/10/2004	KD10E	000188	273	4.80	04
190	1001020279	Nguyễn Phương	Thảo	30/10/2004	KD10E	000189			04
191	1001020282	Nguyễn Thanh	Thảo	28/08/2004	KD10E	000190	369	7.80	04
192	1001021063	Trịnh Thu	Thảo	12/11/2002	KD10E	000191	457	5.00	04
193	1001021572	Phan Thị	Thơm	29/12/2003	KD10E	000192	596	3.80	04
194	1001020299	Phạm Thị	Thủy	18/06/2004	KD10E	000193	604	6.00	04
195	1001020312	Lưu Thị Thùy	Trang	03/08/2004	KD10E	000194	718	3.00	04
196	1001020318	Nguyễn Thu	Trang	26/06/2004	KD10E	000195	825	4.40	04
197	1001020321	Phan Minh	Trang	31/10/2004	KD10E	000196	142	7.80	04
198	1001021320	Trần Đặng Kiều	Trang	08/07/2004	KD10E	000197	273	8.40	04
199	1001021579	Vũ Thị Kiều	Trang	15/01/2004	KD10E	000198	369	5.20	04
200	1001020322	Vũ Thu	Trang	12/06/2004	KD10E	000199	457	6.80	04
201	1001021581	Ngô Anh	Tú	24/10/2004	KD10E	000200	596	6.40	04
202	1001021082	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	22/09/2004	KD10E	000201	604	5.00	04
203	1001020335	Đinh Quang	Vinh	11/02/2004	KD10E	000202	718	4.80	04

STT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Phòng Thi
204	1001020340	Trần Thị Hương	Xuân	09/08/2004	KD10E	000203	825	6.40	04
205	1001020020	Đỗ Hải	Anh	15/12/2004	KD10D	000204	142	6.20	05
206	1001020026	Hoàng Thị Phương	Anh	03/02/2004	KD10D	000205	273	5.80	05
207	1001020035	Nguyễn Châu	Anh	11/12/2004	KD10D	000206	369	7.20	05
208	1001020047	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	17/10/2004	KD10D	000207	457	7.20	05
209	1001020936	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/12/2004	KD10D	000208			05
210	1001020050	Nguyễn Việt	Anh	23/08/2004	KD10D	000209			05
211	1001020307	Bùi Thị Huyền	Trang	6/19/2004	KD10E	000594	596	4.00	04
212	1001021133	Trần Thị Kiều	Anh	05/08/2004	KD10D	000210	142	6.00	05
213	1001020056	Vũ Nguyễn Hải	Anh	15/12/2004	KD10D	000211	273	6.60	05
214	1001020068	Nguyễn Ngọc	Bích	30/06/2004	KD10D	000212	369	6.00	05
215	1001020499	Nguyễn Thị Bảo	Chi	08/09/2004	KD10D	000213	457	4.80	05
216	1001021516	Nguyễn Thị Anh	Đào	13/02/2004	KD10D	000214	596	5.80	05
217	1001020094	Nguyễn Thuý	Dương	12/02/2004	KD10D	000215	604	6.60	05
218	1001021519	Nguyễn Thị Thu	Giang	18/09/2004	KD10D	000216	718	7.20	05
219	1001020105	Nguyễn Thị Thanh	Hà	06/06/2004	KD10D	000217	825	4.60	05
220	1001020964	Lê Thị Thu	Hằng	04/01/2004	KD10D	000218	142	7.60	05
221	1001020127	Nguyễn Phương	Hoa	22/10/2004	KD10D	000219	273	6.20	05
222	1001020135	Lê Thị	Huế	26/01/2004	KD10D	000220	369	4.40	05
223	1001020137	Đinh Lê Quốc	Hưng	03/06/2004	KD10D	000221	457	7.80	05
224	1001020979	Nguyễn Lan	Hương	25/12/2004	KD10D	000222	596	8.20	05
225	1001021419	Nguyễn Thị Diệu	Hương	29/07/2004	KD10D	000223	604	5.80	05
226	1001021098	Đỗ Quang	Huy	18/12/2002	KD10D	000224	718	5.40	05
227	1001020150	Nguyễn Thị Thu	Huyền	18/02/2004	KD10D	000225	825	6.20	05
228	1001020153	Trần Quang	Khởi	21/11/2004	KD10D	000226	142	5.40	05
229	1001020155	Lê Thị Vân	Kiều	06/08/2004	KD10D	000227	273	8.00	05
230	1001020999	Đỗ Diệu	Linh	24/10/2004	KD10D	000228	369	5.80	05
231	1001020169	Lê Thị Thùy	Linh	26/12/2004	KD10D	000229	457	7.40	05
232	1001020176	Nguyễn Thị Khánh	Linh	23/01/2004	KD10D	000230	596	7.00	05
233	1001020181	Trịnh Thùy	Linh	17/04/2004	KD10D	000231	604	3.00	05
234	1001021010	Đỗ Ngọc Hương	Ly	25/09/2004	KD10D	000232	718	6.00	05
235	1001020187	Dương Ngọc	Mai	31/05/2004	KD10D	000233	825	6.20	05
236	1001020195	Tạ Ngọc	Mai	14/08/2004	KD10D	000234	142	8.20	05
237	1001020199	Nguyễn Chiều	Minh	08/07/2004	KD10D	000235			05
238	1001021023	Nông Hoàng	Nam	18/04/2004	KD10D	000236	273	4.60	05
239	1001020216	Lê Thị Bích	Ngọc	15/03/2004	KD10D	000237	369	5.20	05
240	1001021614	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	02/12/2004	KD10D	000238	457	6.60	05
241	1001020228	Đinh Yến	Nhi	03/02/2004	KD10D	000239	596	4.20	05
242	1001020233	Nguyễn Yến	Nhi	28/11/2004	KD10D	000240	604	4.20	05
243	1001021121	Hoàng Hồng	Nhung	01/12/2004	KD10D	000241	718	5.00	05
244	1001020241	Nguyễn Thị	Nhung	22/10/2003	KD10D	000242	142	8.80	05
245	1001021122	Ngô Thị Kim	Oanh	13/05/2004	KD10D	000243	273	6.80	05
246	1001020248	Đinh Thị Quỳnh	Phương	25/10/2003	KD10D	000244	369	6.60	05
247	1001021046	Nguyễn Thị Ánh	Phương	10/02/2004	KD10D	000245	457	5.20	05
248	1001020260	Nguyễn Thị	Quyên	02/11/2004	KD10D	000246	596	5.80	05
249	1001021561	Hoàng Ngọc	Sơn	17/04/2004	KD10D	000247			05
250	1001020269	Vũ Hồng	Thái	11/07/2004	KD10D	000248	604	8.20	05
251	1001020278	Nguyễn Phương	Thảo	12/11/2004	KD10D	000249	718	7.80	05
252	1001021439	Nguyễn Thạch	Thảo	03/07/2004	KD10D	000250	825	5.00	05
253	1001020290	Phạm Thị	Thơm	19/02/2004	KD10D	000251	142	5.20	05
254	1001021670	Lê Ngọc	Thúy	02/06/2004	KD10D	000252			05
255	1001020306	Nguyễn Thị Minh	Trâm	21/09/2004	KD10D	000253	273	5.40	05

STT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Phòng Thi
256	1001021073	Lê Huyền	Trang	15/12/2004	KD10D	000254			05
257	1001020317	Nguyễn Thị Thùy	Trang	05/09/2004	KD10D	000255	369	4.80	05
258	1001020325	Lương Thị Ngọc	Tú	30/12/2004	KD10D	000256	457	4.40	05
259	1001020334	Đặng Ngọc	Vinh	22/08/2004	KD10D	000257	596	7.00	05
260	1001021086	Nguyễn Thị	Xuân	23/06/2004	KD10D	000258	604	5.60	05
261	1001020019	Đinh Thị Lan	Anh	08/04/2004	KD10C	000259	718	4.20	06
262	1001020025	Hoàng Thị Mai	Anh	02/08/2004	KD10C	000260	825	5.00	06
263	1001020034	Ngô Ngọc	Anh	05/12/2004	KD10C	000261	142	4.40	06
264	1001020041	Nguyễn Phương	Anh	24/07/2004	KD10C	000262	273	5.60	06
265	1001021425	Nguyễn Thị Phương	Anh	17/12/2004	KD10C	000263	369	6.80	06
266	1001020934	Nguyễn Thị Phương	Anh	26/02/2004	KD10C	000264	457	5.00	06
267	1001020937	Nguyễn Tuấn	Anh	19/05/2004	KD10C	000265			06
268	1001021405	Trịnh Ngọc	Anh	21/06/2004	KD10C	000266	596	5.60	06
269	1001020062	Phạm Hồng	Ánh	19/08/2004	KD10C	000267	604	5.00	06
270	1001020946	Lê Thảo	Chi	15/02/2004	KD10C	000268	718	6.80	06
271	1001020075	Nguyễn Thị Mai	Chi	24/09/2004	KD10C	000269	825	5.80	06
272	1001020080	Hoàng Anh	Đào	24/10/2002	KD10C	000270	142	5.40	06
273	1001020085	Lê Thị Thùy	Dung	05/12/2004	KD10C	000271	273	7.20	06
274	1001020087	Nguyễn Thị Thanh	Dung	17/03/2004	KD10C	000272	369	5.40	06
275	1001020093	Nguyễn Thị Thùy	Dương	30/05/2004	KD10C	000273	457	5.00	06
276	1001020112	Bùi Thanh	Hằng	19/12/2004	KD10C	000274	142	5.20	06
277	1001020968	Đỗ Thị Thu	Hiền	22/01/2004	KD10C	000275	273	6.20	06
278	1001020123	Nguyễn Minh	Hiển	27/11/2004	KD10C	000276	369	4.80	06
279	1001020133	Đường Huy	Hoàng	10/01/2004	KD10C	000277	457	7.00	06
280	1001020141	Ngô Thu	Hương	12/03/2003	KD10C	000278	596	9.20	06
281	1001020145	Cao Đức	Huy	28/08/2004	KD10C	000279	604	5.20	06
282	1001020442	Nguyễn Thị Minh	Huyền	02/12/2004	KD10C	000280	718	5.20	06
283	1001020154	Nguyễn Minh	Khương	06/10/2003	KD10C	000281			06
284	1001020160	Phan Thị Phương	Lan	27/06/2004	KD10C	000282			06
285	1001021442	Đoàn Khánh	Linh	15/01/2004	KD10C	000283	825	6.00	06
286	1001020168	Lê Thị Ngọc	Linh	10/11/2004	KD10C	000284	142	6.00	06
287	1001021014	Trần Khánh	Ly	09/10/2004	KD10C	000285	273	8.80	06
288	1001021411	Đỗ Thị Ngọc	Minh	10/08/2004	KD10C	000286	369	3.80	06
289	1001020207	Nguyễn Thị Ngọc	Nam	08/04/2004	KD10C	000287	457	4.20	06
290	1001021412	Cao Thị Bích	Ngọc	20/09/2004	KD10C	000288	596	5.20	06
291	1001021032	Trương Thị	Ngọc	30/07/2004	KD10C	000289	604	5.60	06
292	1001020227	Đào Yến	Nhi	18/11/2004	KD10C	000290	718	5.40	06
293	1001021406	Nguyễn Tuyết	Nhi	13/12/2004	KD10C	000291	825	6.60	06
294	1001020240	Nguyễn Hồng	Nhung	31/12/2004	KD10C	000292	142	4.60	06
295	1001021559	Vương Minh	Phú	18/10/2004	KD10C	000293	273	8.80	06
296	1001020846	Nguyễn Quỳnh	Phương	11/07/2004	KD10C	000294	369	6.00	06
297	1001021049	Lưu Thị Hồng	Quyên	18/12/2004	KD10C	000295	457	5.60	06
298	1001021050	Lại Thị Như	Quỳnh	25/01/2004	KD10C	000296	596	7.00	06
299	810211753	Lý Thị Thanh	Tâm	06/08/2002	KD10C	000297	604	4.00	06
300	1001021407	Ngô Minh	Tâm	08/08/2004	KD10C	000298	718	6.80	06
301	1001021413	Nguyễn Phương	Thảo	16/06/2004	KD10C	000299	825	4.20	06
302	1001021058	Nguyễn Phương	Thảo	17/08/2004	KD10C	000300	142	8.00	06
303	1001021061	Phạm Phương	Thảo	26/08/2004	KD10C	000301	273	5.40	06
304	1001020286	Phùng Lê Phương	Thảo	17/09/2004	KD10C	000302	369	6.40	06
305	1001020371	Nguyễn Thị Ngọc	Thơm	01/07/2004	KD10C	000303	457	6.40	06
306	1001021066	Nguyễn Thị Hoài	Thương	18/11/2004	KD10C	000304	596	4.60	06
307	1001021072	Nguyễn Ngọc	Trâm	28/10/2003	KD10C	000305	604	3.60	06

STT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Phòng Thi
308	1001020310	Lê Thị Thùy	Trang	08/03/2004	KD10C	000306	142	4.20	06
309	1001021575	Luận Thị	Trang	18/08/2004	KD10C	000307	273	7.80	06
310	1001021590	Nguyễn Quỳnh	Trang	12/10/2004	KD10C	000308	369	9.00	06
311	1001021318	Nguyễn Thị Thu	Trang	01/11/2004	KD10C	000309	457	4.40	06
312	1001020324	Lò Hà	Trung	27/12/2004	KD10C	000310	596	6.20	06
313	1001020328	Lê Ngọc Tài	Tuyển	05/02/2004	KD10C	000311	604	5.60	06
314	1001020339	Nguyễn Thị	Xuân	13/07/2004	KD10C	000312	718	7.80	06
315	810210047	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	15/07/2002	KD8C	000313	825	5.60	06
316	510311065	Đỗ Hoàng	Anh	03-06-1996	QT5A	000314	142	5.40	06
317	1001020926	Phạm Thị Thúy	An	11/11/2004	KD10A	000315	273	3.20	07
318	1001020024	Dương Phương	Anh	08/10/2004	KD10A	000316	369	5.80	07
319	1001021472	Lục Thảo	Anh	29/02/2004	KD10A	000317	457	7.00	07
320	1001020931	Nguyễn Minh	Anh	09/07/2004	KD10A	000318	596	5.00	07
321	1001020044	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	03/01/2003	KD10A	000319	604	5.60	07
322	1001020004	Nguyễn Tuấn	Anh	22/05/2000	KD10A	000320	718	6.80	07
323	1001021513	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	10/12/2004	KD10A	000321	825	6.40	07
324	1001020067	Trần Thị Ngọc	Ánh	07/12/2003	KD10A	000322	142	4.20	07
325	1001020073	Hà Linh	Chi	17/12/2004	KD10A	000323	273	4.40	07
326	1001020077	Nguyễn Thanh	Chúc	02/08/2004	KD10A	000324	369	5.60	07
327	1001021402	Vũ Phương	Đông	10/01/2004	KD10A	000325	457	4.80	07
328	1001020092	Đào Thị Thùy	Dương	05/11/2004	KD10A	000326	596	4.40	07
329	1001020097	Phạm Thị Mỹ	Duyên	27/07/2004	KD10A	000327	604	3.80	07
330	1001020102	Đặng Thị Thu	Hà	28/09/2004	KD10A	000328	718	3.00	07
331	1001020111	Nguyễn Đức	Hải	23/09/2004	KD10A	000329	825	5.80	07
332	1001020969	Hoàng Thu	Hiền	22/12/2004	KD10A	000330	142	4.40	07
333	1001020121	Hoàng Thu	Hiền	30/04/2004	KD10A	000331	273	4.40	07
334	1001020970	Trịnh Thị Ngọc	Hiền	24/11/2004	KD10A	000332	369	4.60	07
335	1001020974	Trần Thu	Hoài	14/09/2004	KD10A	000333	457	4.00	07
336	1001020134	Hoàng Thị	Huế	06/08/2004	KD10A	000334	596	5.20	07
337	1001020976	Hoàng Tuấn	Hùng	17/08/2003	KD10A	000335	604	4.40	07
338	1001020140	Lan	Hương	08/07/2004	KD10A	000336	718	4.00	07
339	1001020149	Lê Phương Khánh	Huyền	09/07/2004	KD10A	000337	825	6.60	07
340	1001021410	Trần Thị Thanh	Huyền	29/09/2003	KD10A	000338	142	6.00	07
341	1001021360	Bùi Thị Thu	Lan	09/07/2004	KD10A	000339	273	6.00	07
342	1001020162	Đỗ Phương	Liên	11/05/2004	KD10A	000340	369	3.00	07
343	1001020166	Đồng Thị Ngọc	Linh	25/08/2004	KD10A	000341	457	2.80	07
344	1001020178	Thân Ánh	Linh	20/09/2004	KD10A	000342	596	4.20	07
345	1001020179	Trần Như	Linh	20/12/2004	KD10A	000343	604	7.20	07
346	1001020185	Nguyễn Khánh	Ly	03/09/2004	KD10A	000344	718	4.60	07
347	1001021017	Nguyễn Ngọc	Mai	19/03/2004	KD10A	000345	825	3.40	07
348	1001021409	Vũ Thị Phương	Mai	25/08/2003	KD10A	000346	142	5.60	07
349	1001020212	Trần Ánh	Ngân	12/08/2004	KD10A	000347	273	5.60	07
350	1001020213	Trần Thị	Ngân	09/11/2004	KD10A	000348	369	7.00	07
351	1001020220	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	20/11/2004	KD10A	000349	457	6.20	07
352	1001020226	Bùi Thị Lan	Nhi	08/07/2004	KD10A	000350	596	4.20	07
353	1001021036	Ngô Thị Yến	Nhi	11/12/2004	KD10A	000351	604	5.80	07
354	1001021038	Hà Thị	Nhung	04/02/2004	KD10A	000352	718	6.20	07
355	1001020244	Trần Thục	Oanh	30/03/2004	KD10A	000353	825	4.80	07
356	1001020250	Lương Thị Thu	Phương	25/11/2004	KD10A	000354	142	5.60	07
357	1001020264	Phạm Như	Quỳnh	23/10/2004	KD10A	000355	273	6.40	07
358	1001020685	Đào Diễm	Tâm	23/10/2004	KD10A	000356	369	6.00	07
359	1001020275	Khúc Phương	Thảo	21/12/2004	KD10A	000357	457	3.40	07

STT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Phòng Thi
360	1001021057	Nguyễn Phương	Thảo	16/10/2004	KD10A	000358	596	3.80	07
361	1001020284	Nhạc Thị Thanh	Thảo	15/02/2004	KD10A	000359	604	5.60	07
362	1001021064	Trịnh Anh	Thơ	29/08/2004	KD10A	000360	718	8.00	07
363	1001020294	Vũ Thị Thanh	Thư	30/10/2004	KD10A	000361	825	6.60	07
364	1001020300	Vũ Thu	Thủy	23/07/2004	KD10A	000362	142	5.20	07
365	1001020309	Đỗ Quỳnh	Trang	20/08/2004	KD10A	000363	273	6.40	07
366	1001020314	Nguyễn Thị	Trang	08/08/2004	KD10A	000364	369	5.00	07
367	1001021580	Phạm Thị	Trinh	06/12/2004	KD10A	000365	457	4.40	07
368	1001020329	Nguyễn Thị Tố	Uyên	23/04/2004	KD10A	000366	596	5.20	07
369	1001020331	Ngô Thị Thùy	Vân	22/01/2004	KD10A	000367	604	4.80	07
370	1001020338	Nguyễn Thị Ngọc	Vui	31/07/2004	KD10A	000368	718	4.80	07
371	1001021089	Ngô Hải	Yến	24/10/2004	KD10A	000369	825	7.40	07
372	1001020018	Đặng Tú	Anh	21/03/2004	KD10B	000370	142	7.00	08
373	1001020928	Hà Thị Loan	Anh	21/04/2004	KD10B	000371			08
374	1001020472	Lương Tuấn	Anh	06/08/2004	KD10B	000372	273	8.40	08
375	1001020040	Nguyễn Phương	Anh	18/09/2004	KD10B	000373	369	3.80	08
376	1001020045	Nguyễn Thị Phương	Anh	06/08/2004	KD10B	000374	457	5.40	08
377	1001020055	Trần Thị Vân	Anh	01/11/2004	KD10B	000375	596	4.00	08
378	1001020063	Phạm Thị Ngọc	Ánh	21/07/2004	KD10B	000376	604	6.40	08
379	1001020078	Đỗ Mạnh	Cường	09/11/2004	KD10B	000377	718	4.60	08
380	1001020084	Đỗ Thị Thùy	Dung	28/03/2004	KD10B	000378	825	8.00	08
381	1001020956	Nguyễn Thị Ngọc	Dương	25/10/2004	KD10B	000379			08
382	1001021408	Cao Thị	Giang	19/10/2004	KD10B	000380	142	4.20	08
383	1001020959	Nguyễn Thị Hương	Giang	08/03/2004	KD10B	000381			08
384	1001020103	Lê Thu	Hà	26/12/2004	KD10B	000382	457	4.60	08
385	1001020120	Dương Thị	Hiền	20/07/2004	KD10B	000383	273	8.40	08
386	1001020122	Trịnh Thị Thanh	Hiền	17/10/2002	KD10B	000384	369	5.20	08
387	1001020132	Nguyễn Đức	Hoàn	20/08/2004	KD10B	000385	457	4.40	08
388	1001020136	Lê Mạnh	Hùng	06/11/2004	KD10B	000386	273	4.60	08
389	1001021403	Ngô Thị	Hương	24/05/2004	KD10B	000387	596	5.60	08
390	1001020983	Trần Vũ Lan	Hương	25/01/2004	KD10B	000388	604	6.60	08
391	1001021750	Lê Thị	Huyền	30/04/2004	KD10B	000389	718	5.40	08
392	1001021416	Nguyễn Thị Minh	Khuê	30/08/2004	KD10B	000390	825	6.80	08
393	1001020159	Đào Hoàng	Lan	15/11/2004	KD10B	000391	142	5.80	08
394	1001020174	Nguyễn Nhật	Linh	08/12/2003	KD10B	000392	273	4.20	08
395	1001020182	Vũ Thùy	Linh	25/08/2004	KD10B	000393	369	5.60	08
396	1001020183	Đặng Kim	Long	26/03/2004	KD10B	000394			08
397	1001020186	Nguyễn Phương	Ly	13/11/2004	KD10B	000395	369	4.80	08
398	1001020192	Nguyễn Phan Thị Xuân	Mai	21/12/2004	KD10B	000396	457	4.20	08
399	1001020198	Phạm Thị	Mến	23/07/2004	KD10B	000397	596	5.20	08
400	1001020214	Hà Trọng	Nghĩa	24/03/2003	KD10B	000398	604	5.80	08
401	1001020222	Trịnh Minh	Ngọc	30/06/2004	KD10B	000399	718	7.20	08
402	1001021556	Chu Yến	Nhi	04/08/2004	KD10B	000400	825	3.80	08
403	1001020232	Nguyễn Tuyết	Nhi	28/09/2004	KD10B	000401	142	6.20	08
404	1001020239	Lê Hồng	Nhung	04/02/2004	KD10B	000402	142	6.20	08
405	1001020245	Vũ Hương	Oanh	20/08/2004	KD10B	000403	273	5.40	08
406	1001020252	Nhâm Trần Mai	Phương	16/05/2003	KD10B	000404	369	6.20	08
407	1001020259	Chu Thị	Quyên	17/08/2004	KD10B	000405	457	7.20	08
408	1001021051	Phạm Như	Quỳnh	02/10/2004	KD10B	000406	596	8.00	08
409	1001020268	Đỗ Thanh	Tâm	20/12/2004	KD10B	000407	604	9.00	08
410	1001020273	Đinh Thị Thanh	Thảo	19/08/2004	KD10B	000408	718	5.00	08
411	1001020276	Lê Phương	Thảo	20/09/2004	KD10B	000409	825	4.00	08

STT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Phòng Thi
412	1001021427	Nguyễn Thị	Thảo	30/05/2004	KD10B	000410	142	6.20	08
413	1001021446	Nguyễn Thị	Thoa	28/08/1999	KD10B	000411	273	4.80	08
414	1001020301	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	03/06/2004	KD10B	000412	369	5.60	08
415	1001020899	Nguyễn Quỳnh Ngọc	Trân	17/12/2004	KD10B	000413	457	6.20	08
416	1001020315	Nguyễn Thị Kiều	Trang	24/07/2004	KD10B	000414	596	6.20	08
417	1001020316	Nguyễn Thị Thu	Trang	15/08/2004	KD10B	000415	604	5.80	08
418	1001021080	Lê Thanh	Trúc	07/05/2004	KD10B	000416	718	6.40	08
419	1001020327	Bùi Cát	Tường	27/11/2004	KD10B	000417			08
420	1001020330	Trịnh Thu	Uyên	01/01/2004	KD10B	000418	825	6.40	08
421	1001020332	Đỗ Hạ	Vi	28/05/2004	KD10B	000419	142	6.20	08
422	1001021444	Nguyễn Hoàng Yến	Vy	31/07/2004	KD10B	000420	273	6.60	08
423	1001020345	Trịnh Thị Hải	Yến	20/07/2004	KD10B	000421	369	5.80	08
424	810210794	Bùi Thị Minh	Anh	07/07/2002	KD8C	000422	457	5.80	08
425	1001020023	Đỗ Vân	Anh	23/12/2003	KD10H	000423	604	2.80	09
426	1001020032	Lê Thị Quỳnh	Anh	30/12/2004	KD10H	000424	596	4.40	09
427	1001020038	Nguyễn Hữu	Anh	28/02/2004	KD10H	000425			09
428	1001020043	Nguyễn Thị Minh	Anh	20/10/2004	KD10H	000426	604	5.40	09
429	1001020053	Tạ Tuấn	Anh	28/08/2004	KD10H	000427			09
430	1001020059	Nguyễn Ngọc	Ánh	29/04/2004	KD10H	000428	718	4.40	09
431	1001020061	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	24/07/2004	KD10H	000429	825	5.00	09
432	1001020896	Trương Minh	Châu	20/08/2004	KD10H	000430	142	5.20	09
433	1001021422	Nghiêm Quỳnh	Chi	29/02/2004	KD10H	000431	273	6.60	09
434	1001020082	Vũ Thị	Dịu	10/07/2004	KD10H	000432	369	5.20	09
435	1001020099	Nguyễn Thị Hương	Giang	08/10/2004	KD10H	000433	457	7.40	09
436	1001020100	Nguyễn Thu	Giang	21/11/2003	KD10H	000434	596	4.80	09
437	1001020119	Nguyễn Thị	Hậu	12/12/2004	KD10H	000435	142	5.80	09
438	1001020553	Nguyễn Thúy	Hiền	09/07/2004	KD10H	000436	273	4.60	09
439	1001020129	Trần Thu	Hoài	17/03/2004	KD10H	000437	369	4.20	09
440	1001020978	Hà Thị Thu	Hương	28/09/2004	KD10H	000438	457	7.20	09
441	1001020142	Nguyễn Thị Xuân	Hương	05/08/2004	KD10H	000439	596	7.00	09
442	1001020143	Tạ Thị	Hương	07/07/2004	KD10H	000440	604	5.20	09
443	1001020148	Lê Khánh	Huyền	16/09/2004	KD10H	000441	718	7.00	09
444	1001020990	Trần Thị	Huyền	26/07/2002	KD10H	000442	825	8.00	09
445	1001020165	Đoàn Ngọc	Linh	04/03/2004	KD10H	000443	142	5.00	09
446	1001020171	Nguyễn Hà	Linh	08/04/2004	KD10H	000444	273	4.80	09
447	1001020173	Nguyễn Ngọc	Linh	21/11/2003	KD10H	000445	369	6.00	09
448	1001020172	Nguyễn Ngọc	Linh	24/11/2004	KD10H	000446	457	5.80	09
449	1001021006	Nguyễn Thùy	Linh	25/10/2004	KD10H	000447	596	6.00	09
450	1001020621	Lê Thị Thảo	Ly	03/02/2004	KD10H	000448	604	5.60	09
451	1001020191	Nguyễn Ngọc	Mai	09/08/2004	KD10H	000449	718	5.40	09
452	1001020194	Nguyễn Thị Hoàng	Mai	11/08/2004	KD10H	000450	825	6.60	09
453	1001020201	Vũ Quang	Minh	21/01/2004	KD10H	000451	273	3.20	09
454	1001020208	Trần Thành	Nam	14/01/2004	KD10H	000452	369	5.40	09
455	1001021026	Đỗ Thị	Ngân	09/10/2004	KD10H	000453	457	4.00	09
456	1001021029	Nguyễn Minh	Ngọc	15/11/2004	KD10H	000454	596	6.20	09
457	1001020230	Lã Yến	Nhi	14/03/2004	KD10H	000455	604	4.40	09
458	1001020653	Bùi Thị	Nhung	09/09/2004	KD10H	000456	718	6.80	09
459	1001020243	Đỗ Quốc	Oai	01/01/2004	KD10H	000457			09
460	1001020249	Lê Thị Thu	Phương	12/08/2004	KD10H	000458	825	3.60	09
461	1001021045	Nguyễn Thị	Phương	20/04/2004	KD10H	000459	142	7.40	09
462	1001020254	Trương Thu	Phương	25/10/2004	KD10H	000460	273	6.60	09
463	1001021053	Lê Anh	Tài	28/09/2004	KD10H	000461	369	6.80	09

STT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Phòng Thi
464	1001020274	Đỗ Thị Thu	Thảo	14/11/2004	KD10H	000462	457	5.80	09
465	1001020281	Nguyễn Phương	Thảo	14/09/2004	KD10H	000463	596	5.60	09
466	1001020313	Nguyễn Quỳnh	Trang	28/09/2004	KD10H	000464	604	4.80	09
467	1001020326	Đỗ Quang	Tùng	13/09/2004	KD10H	000465	718	5.00	09
468	1001020337	Nguyễn Trường	Vũ	24/05/2004	KD10H	000466	825	5.60	09
469	1001020342	Nguyễn Thị	Yên	22/02/2004	KD10H	000467	142	4.80	09
470	1001021521	Trần Ngọc	Hà	08/04/2004	KD10H	000468	142	7.00	09
471	1001021533	Trần Thị	Huệ	26/03/2004	KD10H	000469	273	5.80	09
472	1001021060	Nguyễn Thị Phương	Thảo	06/07/2004	KD10H	000470	369	3.80	09
473	1001021731	Phạm Thị Phương	Thảo	11/03/2004	KD10H	000471	457	5.40	09
474	1001021448	Dương Đình	Thi	14/06/2004	KD10H	000472			09
475	1001021308	Huỳnh Thị Thanh	Thư	08/10/2004	KD10H	000473	596	7.80	09
476	1001021447	Đỗ Lê Minh	Trang	25/05/2004	KD10H	000474	604	6.20	09
477	1001021428	Hoàng Mỹ	Uyên	04/12/2004	KD10H	000475	718	5.80	09
478	1001020022	Đỗ Quốc	Anh	28/02/2004	KD10G	000476	825	5.60	10
479	1001020037	Nguyễn Hoàng	Anh	03/01/2004	KD10G	000477	142	4.40	10
480	1001020048	Nguyễn Thị Vân	Anh	26/01/2004	KD10G	000478	273	6.20	10
481	1001020058	Chu Thị	Ánh	26/09/2004	KD10G	000479	369	6.20	10
482	1001020065	Trần Ngọc	Ánh	17/09/2004	KD10G	000480	457	5.00	10
483	1001020070	Nguyễn Như	Bình	10/11/2004	KD10G	000481	596	5.60	10
484	1001020074	Nguyễn Thị Khánh	Chi	19/11/2004	KD10G	000482	604	6.40	10
485	1001020091	Phạm Quang	Dũng	25/11/2004	KD10G	000483	718	6.00	10
486	1001020108	Nguyễn Việt	Hà	09/10/2004	KD10G	000484	825	6.80	10
487	1001020147	Đỗ Thị Thúy	Huyền	03/04/2004	KD10G	000485	142	5.20	10
488	1001020152	Phùng Khánh	Huyền	11/01/2004	KD10G	000486	273	6.00	10
489	1001020157	Trần Thanh	Lâm	05/05/2004	KD10G	000487	369	4.60	10
490	1001020170	Nguyễn Bảo	Linh	21/08/2004	KD10G	000488	457	7.00	10
491	1001020177	Nguyễn Thùy	Linh	25/08/2004	KD10G	000489	596	7.00	10
492	1001020196	Trần Thị Ngọc	Mai	12/09/2004	KD10G	000490	604	8.00	10
493	1001020209	Đào Thị Quỳnh	Nga	01/01/2004	KD10G	000491	718	7.80	10
494	1001020219	Nguyễn Kim	Ngọc	13/09/2004	KD10G	000492	825	8.40	10
495	1001020225	Nguyễn Thị Thanh	Nhài	17/07/2004	KD10G	000493	142	7.60	10
496	1001020235	Trịnh Yến	Nhi	13/10/2004	KD10G	000494	273	7.40	10
497	1001020242	Trịnh Thị Hồng	Nhung	20/05/2004	KD10G	000495	369	6.80	10
498	1001020261	Trương Thị	Quyên	16/02/2004	KD10G	000496	457	4.80	10
499	1001020272	Đào Thanh	Thảo	29/01/2004	KD10G	000497	596	5.80	10
500	1001020288	Cao Thị	Thi	20/02/2004	KD10G	000498	604	6.60	10
501	1001020298	Đỗ Thị	Thùy	01/08/2004	KD10G	000499	718	5.80	10
502	1001020308	Chu Thị Huyền	Trang	27/10/2004	KD10G	000500	825	3.80	10
503	1001021417	Lưu Thị Quỳnh	Anh	17/08/2004	KD10G	000501	142	8.40	10
504	1001020485	Nông Thị Thục	Anh	23/08/2004	KD10G	000502	273	6.00	10
505	1001020947	Nguyễn Thị Lệ	Chi	05/07/2004	KD10G	000503	369	6.80	10
506	1001020950	Đặng Ngọc	Diễm	21/12/2004	KD10G	000504	457	5.80	10
507	1001020955	Đặng Thùy	Dương	21/04/2004	KD10G	000505	596	4.60	10
508	1001020960	Phạm Hương	Giang	20/05/2004	KD10G	000506	604	5.40	10
509	1001021529	Trần Thị Thu	Hòa	13/09/2004	KD10G	000507	273	5.20	10
510	1001020973	Nguyễn Thị	Hoài	28/07/2004	KD10G	000508	142	4.40	10
511	1001020975	Đỗ Thị	Huệ	17/04/2004	KD10G	000509	718	5.60	10
512	1001021423	Nguyễn Thị Mai	Hương	17/02/2004	KD10G	000510	825	7.20	10
513	1001020367	Đoàn Khánh	Linh	03/04/2004	KD10G	000511	142	4.40	10
514	1001021013	Lại Thị Thảo	Ly	19/09/2004	KD10G	000512	273	6.40	10
515	1001021020	Nguyễn Văn	Minh	26/01/2004	KD10G	000513	369	7.00	10

STT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Phòng Thi
516	1001021745	Nguyễn Trà	My	27/03/2003	KD10G	000514	457	5.60	10
517	1001021035	Hoàng Nguyệt	Nhi	09/05/2004	KD10G	000515	596	5.00	10
518	1001021043	Lê Hoàng Bảo	Phương	15/11/2003	KD10G	000516	604	6.00	10
519	1001020981	Phạm Thu	Phương	06/11/2004	KD10G	000517	718	5.80	10
520	1001021404	Trần Thị Phương	Thảo	08/03/2004	KD10G	000518	825	7.40	10
521	1001021065	Trần Thị Hà	Thu	06/01/2004	KD10G	000519	142	5.20	10
522	1001021068	Đỗ Thị Minh	Thùy	16/10/2004	KD10G	000520	273	6.00	10
523	1001020900	Mẫn Thị	Trang	28/05/2004	KD10G	000521	369	5.60	10
524	1001020451	Nguyễn Thùy	Trang	29/02/2004	KD10G	000522	457	4.80	10
525	1001021582	Trần Ngọc	Tuấn	08/03/2004	KD10G	000523	596	4.80	10
526	1001021583	Trần Thị Ánh	Tuyết	11/08/2004	KD10G	000524	604	7.40	10
527	1001021084	Đặng Thị Thảo	Vân	21/06/2004	KD10G	000525	718	4.60	10
528	1001021088	Nguyễn Thị Như	Ý	01/06/2004	KD10G	000526	825	5.20	10
529	1001080382	Đinh Duy	Anh	24/11/2004	TM10A	000527	142	6.00	11
530	1001080383	Lê Lan	Anh	26/07/2004	TM10A	000528	273	6.40	11
531	1001080386	Nguyễn Trần Ngọc	Anh	08/11/2004	TM10A	000529	369	5.00	11
532	1001080387	Nguyễn Hà	Châu	19/12/2004	TM10A	000530	457	6.40	11
533	1001080388	Nguyễn Thị	Hà	04/08/2004	TM10A	000531	596	5.40	11
534	1001080390	Nguyễn Thị	Hảo	31/07/2004	TM10A	000532	604	5.60	11
535	1001080167	Lê Khánh	Linh	12/10/2004	TM10A	000533	718	5.40	11
536	1001081182	Nguyễn Hồng	Anh	27/02/2004	TM10A	000534	142	6.60	11
537	1001081104	Ngô Thị Kim	Ánh	07/09/2004	TM10A	000535	273	6.20	11
538	1001081106	Đặng Đình Gia	Bảo	10/06/2004	TM10A	000536	369	5.40	11
539	1001081107	Đỗ Đức	Cường	06/09/2004	TM10A	000537	457	4.20	11
540	1001081112	Lương Thảo	Hiền	25/04/2004	TM10A	000538	596	5.60	11
541	1001080391	Phạm Thị Thuý	Hiền	25/12/2004	TM10A	000539	604	7.00	11
542	1001081414	Phạm Hoàng	Hiệp	23/09/2004	TM10A	000540	718	5.40	11
543	1001080393	Bùi Minh	Hồng	05/10/2004	TM10A	000541	825	5.20	11
544	1001080572	Nguyễn Hoàng	Huy	30/09/2004	TM10A	000542	142	5.80	11
545	1001080396	Phan Anh	Kiệt	30/01/2004	TM10A	000543	273	6.60	11
546	1001080397	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	11/02/2004	TM10A	000544	369	5.60	11
547	1001080398	Đào Lê Phương	Linh	08/11/2004	TM10A	000545	457	4.80	11
548	1001081426	Lương Phương	Linh	07/09/2004	TM10A	000546	596	4.40	11
549	1001081115	Nguyễn Diệu	Linh	12/02/2004	TM10A	000547	604	5.40	11
550	1001080400	Nguyễn Thị Diệu	Linh	05/03/2004	TM10A	000548	718	5.20	11
551	1001080403	Cung Xuân	Mai	22/01/2004	TM10A	000549	825	6.80	11
552	1001080404	Nguyễn Hùng	Mạnh	26/10/2004	TM10A	000550	142	4.60	11
553	1001081117	Nguyễn Văn	Minh	03/07/2004	TM10A	000551	273	5.40	11
554	1001080408	Vũ Trần Minh	Ngọc	03/08/2004	TM10A	000552	369	6.40	11
555	1001080409	Hoàng Tố	Nhi	12/11/2004	TM10A	000553	457	7.40	11
556	1001080413	Chu Lan	Phương	14/06/2004	TM10A	000554	596	6.60	11
557	1001080414	Phạm Minh	Phương	22/08/2003	TM10A	000555			11
558	1001081125	Phạm Thị	Phượng	22/06/2004	TM10A	000556	604	8.00	11
559	1001080415	Đỗ Trường	Sơn	21/07/2004	TM10A	000557	142	6.80	11
560	1001080416	Nguyễn Hồng	Thái	20/05/2004	TM10A	000558			11
561	1001080420	Nguyễn Thị	Thảo	06/11/2004	TM10A	000559	718	5.40	11
562	1001080421	Mạc Đoàn Thanh	Trang	26/11/2004	TM10A	000560	825	7.20	11
563	1001080734	Nguyễn Lê Hoàng	Tùng	09/06/2004	TM10A	000561	142	4.80	11
564	1001080422	Nguyễn Thanh	Vân	12/11/2004	TM10A	000562	273	7.20	11
565	1001080423	Trần Ngọc Yến	Vy	27/11/2004	TM10A	000563	369	4.00	11
566	1001081592	Nguyễn Ngọc	Bích	17/11/2004	TM10A	000564	825	7.00	11
567	1001081440	Trần Thị Kim	Oanh	15/04/2004	TM10A	000565	718	5.80	11

STT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Phòng Thi
568	1001081437	Hồ Lê Phương	Thảo	23/10/2004	TM10A	000566	604	6.20	11
569	901020738	Tạ Thị	Hoa	04/06/2003	KD9C	000567	596	6.20	12
570	901020663	Đỗ Thị Thúy	An	22/05/2003	KD9E	000568			12
571	1001070427	Phạm Hà Thảo	Anh	16/12/2004	KL10A	000569	457	3.80	12
572	1001070428	Trần Thùy	Anh	05/11/2004	KL10A	000570	369	2.80	12
573	1001070430	Nguyễn Thị Như	Bình	05/09/2004	KL10A	000571	142	7.00	12
574	1001070432	Kiều Minh	Diễm	17/11/2004	KL10A	000572	825	8.40	12
575	1001070435	Đoàn Bắc Đăng	Duy	26/12/2004	KL10A	000573	718	5.80	12
576	1001071146	Nguyễn Khánh	Hoàng	08/07/2004	KL10A	000574	604	5.60	12
577	1001070453	Hàn Quốc	Tuấn	21/04/2004	KL10A	000575	596	4.80	12
578	1001070425	Nguyễn Thị Vân	Anh	07/04/2004	QL10A	000576	457	6.20	12
579	1001070429	Nông Quốc	Bảo	18/01/2004	QL10A	000577			12
580	1001071401	Lê Hương	Cúc	20/11/2004	QL10A	000578	369	5.60	12
581	1001070433	Nguyễn Đức	Đô	24/11/2004	QL10A	000579	273	5.60	12
582	1001070436	Nguyễn Thị	Giang	19/02/2004	QL10A	000580	142	6.60	12
583	1001070439	Nguyễn Công	Hiếu	23/08/2004	QL10A	000581	825	7.00	12
584	1001070441	Nguyễn Quốc	Huy	22/08/1997	QL10A	000582	718	5.40	12
585	1001070443	Nguyễn Khánh	Linh	01/09/2004	QL10A	000583			12
586	1001071155	Nguyễn Hải	Long	22/06/2004	QL10A	000584	604	6.20	12
587	1001071157	Bùi Thị Như	Ngọc	03/12/2004	QL10A	000585	596	5.60	12
588	1001071161	Hoàng Thị	Nhi	01/01/2004	QL10A	000586	457	6.20	12
589	1001071164	Đỗ Anh	Phương	14/10/2004	QL10A	000587	369	5.00	12
590	1001071415	Nguyễn Lan	Phương	29/09/2004	QL10A	000588	273	4.40	12
591	1001071166	Đỗ Thị	Thuỳ	10/05/2003	QL10A	000589	142	4.40	12
592	1001071169	Phạm Thị Thùy	Trang	28/09/2004	QL10A	000590	825	5.60	12
593	1001071171	Vũ Văn	Trường	18/12/2004	QL10A	000591	718	4.00	12
594	1001071172	Nguyễn Duy	Tuấn	12/05/2004	QL10A	000592	604	5.60	12
595	1001070455	Trịnh Hữu	Tường	14/02/2004	QL10A	000593	596	3.40	12

Tổng số bài thi: 556

Hưng Yên. Ngày 05 tháng 01 năm 2024

Cán bộ chấm 1

Nguyễn Thị Thủy

Cán bộ chấm 2

Đỗ Việt Hùng